

**CÔNG TY CỔ PHẦN
DUỐC TRUNG ƯƠNG 3**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 151/TW3-CBTT

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 03 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, CTCP Duốc Trung ương 3 thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) năm 2023 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức:

- Mã chứng khoán: TW3
- Địa chỉ: 115 Ngô Gia Tự, phường Hải Châu I, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
- Điện thoại liên hệ/Tel: (0236)3 830 202
- Email: duoctw3danang@gmail.com/ Website: <https://duoctw3.com/>

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC năm 2023
 - BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);
 - BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);
 - BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC đã được soát xét/kiểm toán):

- Có Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

- Có Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2022):

- Có Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

- Có Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày : 29/03/2023 tại đường dẫn: <https://duoctw3.com/quan-he-co-dong/quan-he-co-dong/cong-bo-thong-tin-bao-cao-tai-chinh-nam-2023-905.html>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố ở trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT (b/c);
- Lưu NS-TH.

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật

TỔNG GIÁM ĐỐC



Trương Thoại Nhân

Công ty Cổ phần Dược Trung Ương 3

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



Công ty Cổ phần Dược Trung Ương 3

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



Công ty Cổ phần Dược Trung Ương 3

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 34

Công ty Cổ phần Dược Trung Ương 3

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dược Trung Ương 3 ("Công ty"), tiền thân là Công ty Dược Tổng hợp cấp I, là một doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Tổng Liên hiệp các Xí nghiệp dược Việt Nam, nay thuộc Tổng Công ty Dược Việt Nam. Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 4204/QĐ-BYT ngày 15 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt phương án cổ phần hóa và theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0400102077 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp ngày 26 tháng 3 năm 2015 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 7 được cấp ngày 4 tháng 6 năm 2020.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh dược phẩm, bao bì dược và các sản phẩm chăm sóc sức khỏe khác.

Công ty có trụ sở chính tại số 115 phố Ngô Gia Tự, phường Hải Châu I, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Khải	Chủ tịch	
Ông Trương Thoại Nhân	Thành viên	
Ông Nguyễn Huy Thanh	Thành viên	
Bà Trần Thị Minh	Thành viên	
Ông Trần Anh Tuấn	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 7 tháng 4 năm 2023

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trương Thoại Nhân	Tổng Giám đốc
-----------------------	---------------

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Ngô Thị Thu Hiền	Trưởng ban
Ông Nguyễn Thế Nam	Thành viên
Bà Hà Lan Anh	Thành viên

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trương Thoại Nhân, Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Dược Trung Ương 3

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược Trung Ương 3 ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Trương Thoại Nhân
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2024

Số tham chiếu: 61516334/67003336

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Dược Trung Ương 3

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dược Trung Ương 3 (“Công ty”) được lập ngày 27 tháng 3 năm 2024 và được trình bày từ trang 5 đến trang 34, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội



Bùi Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1067-2023-004-1



Lê Minh Tùng
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 4656-2023-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

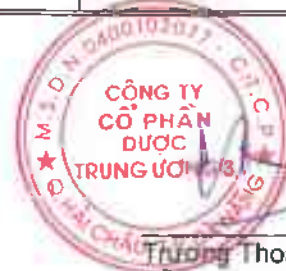
Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		194.406.244.291	211.741.529.376
110	I. Tiền	4	23.241.707.692	16.314.740.773
111	1. Tiền		23.241.707.692	16.314.740.773
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		50.000.000	50.000.000
121	1. Chứng khoán kinh doanh		50.000.000	50.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		126.378.416.901	118.215.753.518
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	125.237.101.939	118.670.384.081
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	490.572.126	414.155.072
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	2.045.122.844	541.594.373
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7	(1.394.380.008)	(1.410.380.008)
140	IV. Hàng tồn kho	8	44.350.025.587	76.737.489.300
141	1. Hàng tồn kho		44.748.744.685	77.022.827.291
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(398.719.098)	(285.337.991)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		386.094.111	423.545.785
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		-	369.911.417
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	12	386.094.111	53.634.368
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		15.769.824.875	17.103.627.407
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		17.363.153	14.640.920
211	1. Phải thu dài hạn khác	6	17.363.153	14.640.920
220	II. Tài sản cố định		13.782.367.028	14.970.066.842
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	13.782.367.028	14.970.066.842
222	Nguyên giá		43.234.838.388	41.948.670.302
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(29.452.471.360)	(26.978.603.460)
227	2. Tài sản cố định vô hình		-	-
228	Nguyên giá		170.000.000	170.000.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(170.000.000)	(170.000.000)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		39.000.000	39.000.000
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		39.000.000	39.000.000
260	IV. Tài sản dài hạn khác		1.931.094.694	2.079.919.645
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	1.931.094.694	2.079.919.645
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		210.176.069.166	228.845.156.783

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		180.264.997.542	201.432.204.675
310	I. Nợ ngắn hạn		178.670.643.082	199.398.911.603
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11.1	128.630.080.700	165.548.415.277
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	11.2	2.877.185.226	2.145.022.194
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	3.595.888.282	1.445.168.907
314	4. Phải trả người lao động		2.767.024.781	3.197.495.757
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		191.548.633	232.432.866
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	84.269.663
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	13	510.884.565	497.139.773
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	14	39.072.390.094	25.530.326.365
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	15	1.025.640.801	718.640.801
330	II. Nợ dài hạn		1.594.354.460	2.033.293.072
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	14	1.594.354.460	2.033.293.072
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		29.911.071.624	27.412.952.108
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	29.911.071.624	27.412.952.108
411	1. Vốn cổ phần		17.500.000.000	17.500.000.000
411a	- Cổ phiếu có đồng có quyền biểu quyết		17.500.000.000	17.500.000.000
415	2. Cổ phiếu quỹ		(482.580.000)	(482.580.000)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		3.287.279.151	2.342.279.151
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		9.606.372.473	8.053.252.957
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		6.317.260.439	4.903.327.779
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		3.289.112.034	3.149.925.178
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		210.176.069.166	228.845.156.783

Bùi Thị Thu Hằng
Người lập kiêm phụ trách kế toán



Thương Thoại Nhân
Tổng Giám đốc


Đà Nẵng, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (trình bày lại)
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17.1	348.630.542.998	317.728.138.176
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	17.1	(901.666.483)	(230.394.382)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	17.1	347.728.876.515	317.497.743.794
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	18	(308.047.897.718)	(276.975.339.985)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		39.680.978.797	40.522.403.809
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	17.2	413.351.303	1.923.811.303
22	7. Chi phí tài chính	19	(6.662.936.365)	(4.460.799.173)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(2.630.137.886)	(2.209.534.227)
25	8. Chi phí bán hàng	20	(13.156.565.600)	(16.139.930.959)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20	(15.734.542.503)	(17.662.455.563)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		4.540.285.632	4.183.029.417
31	11. Thu nhập khác		114.342.493	87.624.347
32	12. Chi phí khác		(436.857.684)	(342.709.085)
40	13. Lỗ khác		(322.515.191)	(255.084.738)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		4.217.770.441	3.927.944.679
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	22.1	(928.658.407)	(778.019.501)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		3.289.112.034	3.149.925.178
70	17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	25	1.739	1.591
71	18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	25	1.739	1.591


Bùi Thị Thu Hằng
Người lập kiểm phụ trách kế toán



Đà Nẵng, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế		4.217.770.441	3.927.944.679
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình	9	2.578.031.811	2.112.726.658
03	Các khoản dự phòng		397.190.921	406.933.632
04	(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(1.709.808.328)	390.923.183
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	17.2	(52.673.183)	(23.724.207)
06	Chi phí lãi vay	19	2.630.137.886	2.209.534.227
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		8.060.649.548	9.024.338.172
09	Tăng các khoản phải thu		(5.773.106.175)	(23.672.095.246)
10	(Giảm)/tăng hàng tồn kho		31.974.272.792	(19.977.866.806)
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả		(35.639.344.275)	36.523.813.955
12	Giảm chi phí trả trước		148.824.951	303.234.255
14	Tiền lãi vay đã trả		(2.595.748.887)	(2.146.446.899)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	12	(493.929.909)	(506.341.409)
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(133.992.518)	(31.300.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(4.452.374.473)	(482.663.978)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(1.431.266.979)	(3.889.739.035)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ		7.000.000	-
27	Tiền thu lãi cho vay, tiền gửi		31.672.510	23.724.207
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(1.392.594.469)	(3.866.014.828)


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
32	Tiền mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	16.1	-	(20.400.000)
33	Tiền thu từ đi vay		165.819.874.507	130.892.388.529
34	Tiền trả nợ gốc vay		(152.716.749.390)	(118.257.832.437)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(331.985.000)	(1.023.750.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		12.771.140.117	11.590.406.092
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		6.926.171.175	7.241.727.286
60	Tiền đầu năm		16.314.740.773	9.073.013.487
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		795.744	-
70	Tiền cuối năm	4	23.241.707.692	16.314.740.773



Bùi Thị Thu Hằng
Người lập kiêm phụ trách kế toán

Trương Thoại Nhân
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dược Trung Ương 3 (“Công ty”), tiền thân là Công ty Dược Tổng hợp cấp I, là một doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Tổng Liên hiệp các Xí nghiệp dược Việt Nam, nay thuộc Tổng Công ty Dược Việt Nam. Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 4204/QĐ-BYT ngày 15 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt phương án cổ phần hóa và theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0400102077 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp ngày 26 tháng 3 năm 2015 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 7 được cấp ngày 4 tháng 6 năm 2020.

Công ty có trụ sở chính tại số 115 phố Ngô Gia Tự, phường Hải Châu I, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh dược phẩm, bao bì dược và các sản phẩm chăm sóc sức khỏe khác.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 2 chi nhánh hạch toán phụ thuộc:

- ▶ Chi nhánh hạch toán phụ thuộc tại Hà Nội: Số 95 phố Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội; và
- ▶ Chi nhánh hạch toán phụ thuộc tại Hồ Chí Minh: 324/4/3 Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 111 (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 161).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”), phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	→	chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Hàng hóa	→	chi phí mua theo phương pháp thực tế đích danh.
Thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	→	giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v..) có thể xảy ra đối với hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải	8 - 10 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo, thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.10 Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị chứng khoán kinh doanh

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dự dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.13 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ được cung cấp cho khách hàng và hoàn thành.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, chuyển nhượng vốn

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, chuyển nhượng vốn được xác định là phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn khoản đầu tư. Thu nhập này được ghi nhận vào ngày phát sinh giao dịch, tức là khi hợp đồng chuyển nhượng được thực hiện.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả cần được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho giai đoạn tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.18 Thông tin theo bộ phận

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất và kinh doanh dược phẩm, bao bì dược và các sản phẩm chăm sóc sức khỏe khác. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý và Công ty không phải trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

3.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	434.677.391	78.515.782
Tiền gửi ngân hàng	22.807.030.301	16.236.224.991
TỔNG CỘNG	23.241.707.692	16.314.740.773

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Công ty TNHH Thiết bị y khoa Tâm An	34.862.125.000	26.748.529.000
Công ty TNHH Thiết bị y tế Thành Công	11.514.907.500	29.388.400.000
Các khoản phải thu khác	78.860.069.439	62.533.455.081
TỔNG CỘNG	<u>125.237.101.939</u>	<u>118.670.384.081</u>
<i>Dự phòng phải thu khó đòi</i>	<i>(1.394.380.008)</i>	<i>(1.410.380.008)</i>

5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Công ty Cổ phần Lương Duy	219.816.300	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng C.D.P	110.000.000	110.000.000
Công ty Cổ phần Titafa	74.403.000	-
Các nhà cung cấp khác	86.352.826	304.155.072
TỔNG CỘNG	<u>490.572.126</u>	<u>414.155.072</u>

5.3 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	1.410.380.008	1.439.518.369
<i>Cộng: Dự phòng trích lập trong năm</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm</i>	<i>(16.000.000)</i>	<i>(29.138.361)</i>
Số cuối năm	<u>1.394.380.008</u>	<u>1.410.380.008</u>

6. PHẢI THU KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngắn hạn		
Ký cược, ký quỹ	854.736.915	376.839.950
Các khoản tạm ứng	224.494.561	164.754.423
Phải thu ngắn hạn khác	965.891.368	-
TỔNG CỘNG	<u>2.045.122.844</u>	<u>541.594.373</u>
Dài hạn		
Ký cược, ký quỹ	17.363.153	14.640.920
TỔNG CỘNG	<u>17.363.153</u>	<u>14.640.920</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. NỢ XẤU

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH Dược phẩm Phúc Đạt Công ty Cổ phần Pharmaland	682.816.540	-	682.816.540	-
Công ty TNHH Thiết bị Y tế Bình Nguyên	106.535.299	-	106.535.299	-
Các khách hàng khác	67.949.241	-	67.949.241	-
	537.078.928	-	553.078.928	-
TỔNG CỘNG	1.394.380.008	-	1.410.380.008	-

8. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	-	-	3.449.558.400	-
Nguyên vật liệu	12.109.740.430	(299.626.247)	16.222.574.747	(278.950.200)
Thành phẩm	13.008.068.208	(36.580.974)	11.527.071.643	(6.387.791)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.298.265.986	-	1.511.220.100	-
Hàng hóa	18.332.670.061	(62.511.877)	44.312.402.401	-
TỔNG CỘNG	44.748.744.685	(398.719.098)	77.022.827.291	(285.337.991)

Hàng tồn kho được sử dụng làm tài sản bảo đảm cho các khoản vay của Công ty như được trình bày tại Thuyết minh số 14.

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	285.337.991	257.555.654
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	413.190.921	436.071.993
Trừ: Sử dụng dự phòng trong năm	(299.809.814)	(408.289.656)
Số cuối năm	398.719.098	285.337.991

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:				
Số đầu năm	17.852.039.397	21.945.467.269	2.151.163.636	41.948.670.302
- Mua trong năm	289.469.000	1.141.797.979	-	1.431.266.979
- Giảm khác	(29.598.893)	-	-	(29.598.893)
- Thanh lý trong kỳ	-	(115.500.000)	-	(115.500.000)
Số cuối năm	<u>18.111.909.504</u>	<u>22.971.765.248</u>	<u>2.151.163.636</u>	<u>43.234.838.388</u>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đã khấu hao hết</i>	<i>932.830.357</i>	<i>12.522.167.575</i>	<i>1.225.000.000</i>	<i>14.679.997.932</i>
Giá trị khấu hao lũy kế:				
Số đầu năm	8.348.524.454	16.876.488.957	1.753.590.049	26.978.603.460
- Khấu hao trong năm	1.074.209.203	1.376.252.156	127.570.452	2.578.031.811
- Thanh lý trong kỳ	-	(104.163.911)	-	(104.163.911)
Số cuối năm	<u>9.422.733.657</u>	<u>18.148.577.202</u>	<u>1.881.160.501</u>	<u>29.452.471.360</u>
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	<u>9.503.514.943</u>	<u>5.068.978.312</u>	<u>397.573.587</u>	<u>14.970.066.842</u>
Số cuối năm	<u>8.689.175.847</u>	<u>4.823.188.046</u>	<u>270.003.135</u>	<u>13.782.367.028</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 4.505 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 4.612 triệu VND) được sử dụng làm tài sản bảo đảm cho các khoản vay của Công ty như được trình bày tại Thuyết minh số 14.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa	1.506.038.528	1.477.663.651
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	232.079.856	346.921.945
Chi phí trả trước dài hạn khác	192.976.310	255.334.049
TỔNG CỘNG	1.931.094.694	2.079.919.645

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

11.1 Phải trả người bán ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán khác	128.629.329.045	128.629.329.045	165.548.415.277	165.548.415.277
MDC Marketing Services SDN BHD	64.260.660.650	64.260.660.650	92.555.262.711	92.555.262.711
Link Healthcare Singapore Pte Ltd	14.370.485.861	14.370.485.861	10.349.166.960	10.349.166.960
Growena Impex Company	13.463.566.900	13.463.566.900	27.250.206.869	27.250.206.869
Các nhà cung cấp khác	36.534.615.634	36.534.615.634	35.393.778.737	35.393.778.737
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 23)	751.655	751.655	-	-
TỔNG CỘNG	128.630.080.700	128.630.080.700	165.548.415.277	165.548.415.277

11.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Dược Phẩm Ceteco USA	1.283.232.850	1.160.844.169
Công ty Cổ phần Dược phẩm và Thiết bị Y tế Đông Nam Á	700.984.950	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dược phẩm Hoàng Vũ Miền Trung	314.625.000	-
Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	578.342.426	984.178.025
TỔNG CỘNG	2.877.185.226	2.145.022.194

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	<i>Số đầu kỳ</i>		<i>Số phát sinh trong kỳ</i>			<i>Số cuối kỳ</i>	
	<i>Số phải thu</i>	<i>Số phải nộp</i>	<i>Số phát sinh tăng trong kỳ</i>	<i>Số đã khấu trừ trong kỳ</i>	<i>Số đã nộp trong kỳ</i>	<i>Số phải thu</i>	<i>Số phải nộp</i>
Thuế giá trị gia tăng hàng nội địa	-	14.480.650	11.718.821.558	(10.632.647.474)	(599.376.395)	-	501.278.339
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	-	10.096.829.226	(7.683.583.421)	(2.701.445.563)	288.199.758	-
Thuế xuất, nhập khẩu	21.296.546	-	1.230.294.982	-	(1.274.554.967)	65.556.531	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	19.604.500	239.329.199	928.658.407	-	(493.929.909)	19.604.500	674.057.697
Thuế thu nhập cá nhân	-	306.035	749.483.345	-	(711.344.528)	-	38.444.852
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	1.191.053.023	2.899.868.702	-	(1.708.814.331)	-	2.382.107.394
Các loại thuế khác	12.733.322	-	534.587.036	-	(534.587.036)	12.733.322	-
TỔNG CỘNG	53.634.368	1.445.168.907	28.158.543.256	(18.316.230.895)	(8.024.052.729)	386.094.111	3.595.888.282

13. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	100.067.322	53.038.143
Phải trả liên quan tới hoạt động ủy thác nhập khẩu	128.828.475	65.876.658
Các khoản phải trả, phải nộp khác	281.988.768	378.224.972
TỔNG CỘNG	510.884.565	497.139.773

Công ty Cổ phần Dược Trung Ương 3

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. VAY

	Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn		
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 14.1)	23.329.717.753	23.329.717.753
Vay cá nhân (Thuyết minh số 14.1)	1.276.000.000	1.276.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 14.2)	924.608.612	924.608.612
	<u>25.530.326.365</u>	<u>25.530.326.365</u>
Vay dài hạn		
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 14.2)	2.033.293.072	2.033.293.072
TỔNG CỘNG	<u>27.563.619.437</u>	<u>27.563.619.437</u>

Số phát sinh trong năm		Đơn vị tính: VND	
		Số cuối năm	
Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
165.819.874.507	(151.542.140.778)	37.607.451.482	37.607.451.482
-	(250.000.000)	1.026.000.000	1.026.000.000
<u>438.938.612</u>	<u>(924.608.612)</u>	<u>438.938.612</u>	<u>438.938.612</u>
<u>166.258.813.119</u>	<u>(152.716.749.390)</u>	<u>39.072.390.094</u>	<u>39.072.390.094</u>
-	(438.938.612)	1.594.354.460	1.594.354.460
<u>166.258.813.119</u>	<u>(153.155.688.002)</u>	<u>40.666.744.554</u>	<u>40.666.744.554</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. VAY (tiếp theo)

14.1 Các khoản vay ngắn hạn

Chi tiết các khoản vay được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng	29.512.989.439	Thời hạn khoản vay tối đa 6 tháng. Lãi được trả vào ngày 1 hàng tháng. Kỳ hạn hợp đồng cho vay hạn mức: 12 tháng, thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 2 tháng 11 năm 2024.	5,5% – 8%	Toàn bộ hàng hóa hoặc hàng tồn kho đang luân chuyển bao gồm: nguyên liệu, bán thành phẩm, sản phẩm dở dang, thành phẩm, hàng hóa kinh doanh và các nguyên liệu/hàng hóa khác
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng	8.094.462.043	Thời hạn khoản vay tối đa 6 tháng. Kỳ hạn hợp đồng cho vay hạn mức: 12 tháng, lãi được trả vào ngày 26-27 hàng tháng, thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 10 tháng 11 năm 2024.	5,5%	Số dư tài khoản đảm bảo tại ngân hàng là 500 triệu đồng. Hàng hóa tồn kho luân chuyển và/hoặc khoản phải thu luân chuyển với giá trị tối thiểu 10 tỷ đồng
Vay cá nhân	1.026.000.000	Gốc vay được trả khi có yêu cầu. Lãi vay trả hàng tháng.	12%	Tín chấp
TỔNG CỘNG	<u>38.633.451.482</u>			

14.2 Các khoản vay dài hạn

Chi tiết khoản vay được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng	2.033.293.072	Gốc vay trả hàng quý, thời hạn thanh toán của khoản vay cuối cùng đến ngày 17 tháng 1 năm 2029. Lãi vay trả hàng tháng.	8%-12,5%	Nhà cửa, vật kiến trúc và máy móc thiết bị tại trụ sở chính (nhà kho và khu văn phòng Hòa Minh) (Thuyết minh số 9)
TỔNG CỘNG	<u>2.033.293.072</u>			

Trong đó:

Vay dài hạn đến hạn trả	438.938.612
Vay dài hạn	1.594.354.460

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. QUỸ KHEN THƯỜNG, PHÚC LỢI

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	718.640.801	508.940.801
Trích trong năm	440.992.518	241.000.000
Sử dụng trong năm	(133.992.518)	(31.300.000)
Số cuối năm	1.025.640.801	718.640.801

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

16.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	<i>Đơn vị tính: VND</i>				
	<i>Vốn góp của chủ sở hữu</i>	<i>Cổ phiếu quỹ</i>	<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i>	<i>Tổng cộng</i>
Năm trước					
Số đầu năm	17.500.000.000	(462.180.000)	1.617.279.151	5.869.327.779	24.524.426.930
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	3.149.925.178	3.149.925.178
- Trích lập các quỹ	-	-	725.000.000	(966.000.000)	(241.000.000)
- Mua cổ phiếu quỹ	-	(20.400.000)	-	-	(20.400.000)
Số cuối năm	17.500.000.000	(482.580.000)	2.342.279.151	8.053.252.957	27.412.952.108
Năm nay					
Số đầu năm	17.500.000.000	(482.580.000)	2.342.279.151	8.053.252.957	27.412.952.108
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	3.289.112.034	3.289.112.034
- Trích các quỹ (*)	-	-	945.000.000	(1.385.992.518)	(440.992.518)
- Chia cổ tức	-	-	-	(350.000.000)	(350.000.000)
Số cuối năm	17.500.000.000	(482.580.000)	3.287.279.151	9.606.372.473	29.911.071.624

(*) Công ty đã thực hiện trích các quỹ từ lợi nhuận năm 2022, thường Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát theo Nghị quyết Đại hội đồng thường niên năm 2023 số 04/NQ-ĐHĐCĐ ngày 7 tháng 4 năm 2023.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

16.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Tổng Công ty Dược Việt Nam - Công ty Cổ phần	11.375.000.000	11.375.000.000	=	11.375.000.000	11.375.000.000	=
Cổ đông cá nhân	5.651.000.000	5.651.000.000	-	5.651.000.000	5.651.000.000	-
TỔNG CỘNG	17.026.000.000	17.026.000.000	-	17.026.000.000	17.026.000.000	-

16.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Vốn cổ phần đã góp		
Vốn góp đầu năm	17.500.000.000	17.500.000.000
Vốn góp cuối năm	17.500.000.000	17.500.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã công bố		
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông	350.000.000	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả bằng tiền	331.985.000	1.023.750.000
Cổ tức, lợi nhuận đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm và chưa được ghi nhận là nợ phải trả vào ngày 31 tháng 12	-	-

16.4 Cổ phiếu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
Cổ phiếu đã được duyệt	1.750.000	17.500.000.000	1.750.000	17.500.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	1.750.000	17.500.000.000	1.750.000	17.500.000.000
Cổ phiếu phổ thông	1.750.000	17.500.000.000	1.750.000	17.500.000.000
Cổ phiếu quỹ	47.400	474.000.000	47.400	474.000.000
Cổ phiếu phổ thông	47.400	474.000.000	47.400	474.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.702.600	17.026.000.000	1.702.600	17.026.000.000
Cổ phiếu phổ thông	1.702.600	17.026.000.000	1.702.600	17.026.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 10.000 VND/cổ phiếu).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. DOANH THU

17.1 Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng doanh thu	348.630.542.998	317.728.138.176
<i>Trong đó</i>		
Doanh thu bán hàng hóa	266.550.353.602	215.818.181.880
Doanh thu bán thành phẩm	76.176.318.035	94.032.259.660
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.903.871.361	7.877.696.636
Các khoản giảm trừ doanh thu	(901.666.483)	(230.394.382)
Hàng bán bị trả lại	(901.666.483)	(230.394.382)
Doanh thu thuần	347.728.876.515	317.497.743.794
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu thuần bán hàng hóa	265.648.687.119	215.587.787.498
Doanh thu thuần bán thành phẩm	76.176.318.035	94.032.259.660
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	5.903.871.361	7.877.696.636
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu đối với bên khác	347.728.876.515	317.497.743.794

17.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi chênh lệch tỷ giá	360.678.120	1.900.087.096
Lãi tiền gửi	52.673.183	23.724.207
TỔNG CỘNG	413.351.303	1.923.811.303

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn hàng hóa	252.215.092.329	209.138.424.486
Giá vốn thành phẩm	55.466.280.014	67.366.850.252
Giá vốn cung cấp dịch vụ	366.525.375	470.065.247
TỔNG CỘNG	308.047.897.718	276.975.339.985

19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi tiền vay	2.630.137.886	2.209.534.227
Lỗ chênh lệch tỷ giá	4.032.798.479	2.251.264.946
TỔNG CỘNG	6.662.936.365	4.460.799.173

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên	9.454.757.652	10.867.592.996
Chi phí dịch vụ mua ngoài	547.431.852	646.259.556
Chi phí vận chuyển	1.276.871.694	1.569.405.269
Chi phí khác	1.877.504.402	3.056.673.138
TỔNG CỘNG	<u>13.156.565.600</u>	<u>16.139.930.959</u>
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	5.984.004.221	6.099.198.800
Chi phí khấu hao TSCĐ	967.766.779	1.566.314.690
Thuế, phí, lệ phí	3.115.100.386	5.206.859.969
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.503.327.603	923.069.602
Chi phí đồ dùng văn phòng	166.353.088	231.138.583
Chi phí khác	3.997.990.426	3.635.873.919
TỔNG CỘNG	<u>15.734.542.503</u>	<u>17.662.455.563</u>

21. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí mua hàng hóa (*)	228.942.423.876	209.093.488.461
Chi phí nguyên vật liệu	46.623.219.651	80.463.938.988
Chi phí nhân viên	21.423.221.082	23.956.779.082
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.021.592.386	2.169.109.397
Chi phí khấu hao	2.578.031.811	2.112.726.658
Chi phí khác	9.638.827.126	11.659.397.580
TỔNG CỘNG	<u>312.227.315.932</u>	<u>329.455.440.166</u>

(*) Bao gồm chi phí mua hàng hóa cho các hoạt động thương mại của Công ty.

22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, bao gồm cả các diễn giải về việc áp dụng Nghị định 20/2017/NĐ-CP, Nghị định số 68/2020/NĐ-CP và Nghị định số 132/2020/NĐ-CP do Chính phủ ban hành lần lượt vào ngày 24 tháng 2 năm 2017, ngày 24 tháng 6 năm 2020 và ngày 5 tháng 11 năm 2020 quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

22.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	928.658.407	886.622.738
Điều chỉnh thuế TNDN trích (thừa)/thiếu năm trước	-	(108.603.237)
TỔNG CỘNG	928.658.407	778.019.501

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.217.770.441	3.927.944.679
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	843.554.088	785.588.936
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được khấu trừ	85.104.319	101.033.802
Điều chỉnh thuế TNDN trích (thừa)/thiếu trong những năm trước	-	(108.603.237)
Chi phí thuế TNDN	928.658.407	778.019.501

22.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan có giao dịch trọng yếu với Công ty trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Tổng Công ty Dược Việt Nam - Công ty Cổ phần Công ty Cổ phần Dược Trung Ương 1 - Pharbaco	Công ty mẹ Công ty có chung thành viên Hội đồng Quản trị
Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái	Công ty có chung thành viên Hội đồng Quản trị
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 25	Công ty có chung thành viên Hội đồng Quản trị
Công ty Cổ phần Dược Danapha - Nanosome	Công ty có chung thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Văn Khải	Chủ tịch Hội đồng Quản trị ("HDQT")
Ông Trương Thoại Nhân	Thành viên HDQT/Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Huy Thanh	Thành viên HDQT
Bà Trần Thị Minh	Thành viên HDQT
Ông Trần Anh Tuấn	Thành viên HDQT miễn nhiệm ngày 7 tháng 4 năm 2023
Bà Ngô Thị Thu Hiền	Trưởng Ban kiểm soát ("BKS")
Ông Nguyễn Thế Nam	Thành viên BKS
Bà Hà Lan Anh	Thành viên BKS

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP	Công ty mẹ	Lãi hợp tác kinh doanh phải trả	-	81.616.437
		Mua dịch vụ	123.012.582	45.753.766
		Thanh toán tiền cổ tức	227.500.000	1.023.750.000

Đơn vị tính: VND

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan:

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc đối trừ công nợ. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: mức trích lập dự phòng bằng không). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kết toán năm, số dư, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải trả người bán (Thuyết minh số 11)				
Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP	Công ty mẹ	Mua dịch vụ	751.655	-
			751.655	-

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của Hội đồng Quản trị (HĐQT) và Ban Tổng Giám đốc:

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<i>Tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Thu nhập (*)</i>		
		<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>	
Ông Trương Thoại Nhân	Tổng Giám đốc, thành viên HĐQT	528.000.000	468.000.000	
Ông Nguyễn Văn Khải	Chủ tịch HĐQT	72.000.000	72.000.000	
Ông Nguyễn Huy Thanh	Thành viên HĐQT	48.000.000	48.000.000	
Ông Trần Anh Tuấn	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 7 tháng 4 năm 2023)	-	36.000.000	
Bà Trần Thị Minh	Thành viên HĐQT	48.000.000	48.000.000	
TỔNG CỘNG		696.000.000	672.000.000	

(*) bao gồm tiền lương, thù lao và thưởng.

Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát:

<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát	316.022.000	294.960.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê văn phòng, thuê đất theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đến 1 năm	2.353.165.403	2.538.466.975
Trên 1 – 5 năm	9.328.181.613	9.343.610.600
Trên 5 năm	<u>34.250.091.714</u>	<u>30.041.428.975</u>
TỔNG CỘNG	<u>45.931.438.730</u>	<u>41.923.506.550</u>

Cam kết cho thuê hoạt động

Công ty hiện đang cho thuê địa điểm kinh doanh theo hợp đồng cho thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đến 1 năm	756.222.222	600.000.000
Trên 1 – 5 năm	49.322.368	2.400.000.000
Trên 5 năm	-	1.200.000.000
TỔNG CỘNG	<u>805.544.590</u>	<u>4.200.000.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu.

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước (Trình bày lại)</i>
Lợi nhuận sau thuế TNDN	3.289.112.034	3.149.925.178
Quý khen thưởng, phúc lợi được trích lập trong năm (*)	<u>(328.000.000)</u>	<u>(440.992.518)</u>
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	<u>2.961.112.034</u>	<u>2.708.932.660</u>
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>1.702.600</u>	<u>1.702.766</u>
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>1.702.600</u>	<u>1.702.766</u>
Lãi trên cổ phiếu		
- Lãi cơ bản	1.739	1.591
- Lãi suy giảm	1.739	1.591

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong báo cáo tài chính trước đây để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2022 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 04/NQ-ĐHĐCĐ ngày 7 tháng 4 năm 2023.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng được điều chỉnh giảm khoản dự kiến trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2023 này căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 04/NQ-ĐHĐCĐ ngày 7 tháng 4 năm 2023.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ: Đô la Mỹ (USD)	1.058,03	1.071

27. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty



Bùi Thị Thu Hằng *mtl*
Người lập kiêm phụ trách kế toán



Trương Thoại Nhân
Tổng Giám đốc



Đà Nẵng, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2024